

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2023/DS-PT

Ngày: 28-12-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: “*Hợp đồng Dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 409/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968; cư trú tại số I, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Phạm Hữu S, sinh năm: 1979, bà Phạm Thị H1, sinh năm: 1981; cư trú tại số D, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; bà H1 có mặt, ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo:

+ Bà Nguyễn Thị H – Nguyên đơn;

+ Bà Phạm Thị H1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 16/6/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Nguyễn Thị H thì: Trước đây bà cho bà H1 vay nhiều khoản tiền không riêng

gì theo giấy vay tiền và chốt nợ ngày 02/12/2022; cụ thể: Ngày 05/11/2022 bà cho bà H1 vay 50.000.000đ; ngày 12/11/2022 bà cho bà H1 vay 450.000.000đ; ngày 21/11/2022 bà cho bà H1 vay 350.000.000đ. Tổng cộng bà H1 đã vay của bà 850.000.000đ nhưng ghi nhầm là 800.000.000đ; lãi suất 5%/tháng, bên vay đã trả lãi đến tháng 11/2022.

Ngoài ra, vào năm 2022 bà H1 có vay thêm 1.000.000.000đ nhưng bà không nhớ ngày, tháng cho vay; sau đó trả được 200.000.000đ vào tháng 11/2022, còn lại 800.000.000đ; lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, bà H1 trả lãi đến tháng 11/2022.

Ngày 02/12/2022 bà cho bà H1 vay 800.000.000đ, giấy nợ do bà H1 viết và ký nhận, hẹn 01 tuần sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Đến ngày 02/12/2012 bà H1 còn nợ bà tổng cộng 1.650.000.000đ nên hai bên đã lập giấy chốt nợ; trong giấy chốt nợ này có dòng chữ phía trên ghi “Đến ngày 02/12/2022 em H1 nợ chị H 30 triệu tiền lãi” là khoản vay khác đã trả xong, không liên quan đến số tiền nợ gốc 1.650.000.000đ chốt ngày 02/12/2022; trong các lần bà cho vay tiền thì chồng bà H1 là ông S đều biết, mục đích vay tiền của bà H1 là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông S, bà H1 trả cho bà số tiền 1.650.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với tài liệu, chứng cứ do bà H1 cung cấp thì bà không đồng ý vì các khoản vay trước tháng 10/2022 đã được hai bên giải quyết xong, nay bà không tranh chấp.

- Bà Phạm Thị H1 thừa nhận có việc vay tiền, chốt nợ như nguyên đơn trình bày; các khoản vay này bà dùng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng sau đó không chuyển nhượng lại được.

Trong thực tế thì các khoản tiền hai bên chốt nợ vào ngày 02/12/2022 là của các khoản vay trước đó; cụ thể:

+ Số tiền 800.000.000đ: Ngày 05/11/2022 chốt 50.000.000đ nhưng khoản tiền này bà vay từ ngày 05/7/2021; ngày 12/11/2022 chốt 450.000.000đ nhưng khoản tiền này bà vay từ ngày 12/6/2021; ngày 21/11/2022 chốt 350.000.000đ nhưng khoản tiền này bà vay từ ngày 21/6/2021; lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, đã trả đến tháng 01/2023.

+ Khoản vay 1.000.000.000đ thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, bà đã trả lãi từ ngày 26/01/2022 đến ngày 29/11/2022; sau đó từ ngày 18/12/2022 đến ngày 01/5/2023 bà trả được cho bà H được 176.000.000đ tiền lãi.

Các khoản vay này là nợ riêng của bà; chồng bà là ông S không biết, chỉ biết khi hai bên tiến hành chốt nợ vào ngày 02/12/2022. Nay bà chỉ đồng ý trả

cho bà H 1.000.000.000đ và xin trả dần, còn số tiền 650.000.000đ bà xin trả dần với điều kiện bà H rút đơn khởi kiện.

Trường hợp bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì đề nghị Toà án giải quyết và điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp.

- Theo lời trình bày của ông Phạm Hữu S thì: Ông là chồng bà H1, những khoản vay giữa vợ ông và bà H ông không biết, không ký giấy tờ vay hay chốt nợ với bà H nên ông không liên quan; đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt ông.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 80/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023; Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Hữu S, bà Phạm Thị H1.

Buộc bà Phạm Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.650.000.000đ nợ gốc và số tiền 71.500.000đ lãi (tổng cộng là 1.721.500.000đ).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 19/9/2023 bà Phạm Thị H1 kháng cáo đề nghị điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật; do đã trả lãi nhiều nên yêu cầu lấy số tiền 1.650.000.000đ trừ đi số tiền 1.066.000.000đ đã trả, bà chỉ còn phải trả cho bà H số tiền 583.500.000đ.

Ngày 21/9/2023 bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng ông Phạm Hữu S, bà Phạm Thị H1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị H1 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: bà H1 đồng ý trả cho bà H số tiền 1.150.000.000đ; ông S không có trách nhiệm cùng trả với bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu S1, bà Phạm Thị H1 phải trả số tiền nợ gốc là 1.650.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thỏa thuận với nhau về việc trả nợ, cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.150.000.000đ; nguyên đơn rút kháng cáo không yêu cầu ông Nguyễn Hữu S1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà H1.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận. Do ông S1 vắng mặt tại phiên tòa nên không thể sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được mà cần sửa Bản án sơ thẩm; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; buộc bà H1 phải trả cho bà H số tiền vừa nêu là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận việc rút kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị H1 để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Bà H1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà H là 46.500.000đ (36.000.000đ + 315.000.000đ x 3%). Bà H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Bà H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, các khoản 2, 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị H1, chấp nhận việc rút kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể như sau:

Buộc bà Phạm Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H không phải án phí Dân sự sơ thẩm; bà H được nhận lại số tiền 33.750.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014499 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Phạm Thị H1 phải chịu 46.500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002159 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà H1 còn phải nộp 46.200.000đ.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002150 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV &THA (01);
- TAND huyện Đức Trọng (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Châu Thạch